

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày

tháng 5 năm 2022

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng 5
năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 04 năm 2022 như sau:

I. Báo cáo số liệu thống kê tháng 4/2022 (chi tiết tại biểu mẫu số 28-T phụ lục I gửi kèm)

1. Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 04 tháng đầu năm 2022 đạt 240,969 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 61,95 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 67,49 triệu tấn, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa đạt 110,99 triệu tấn, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh xếp dỡ đạt 535 nghìn tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 04 tháng đầu năm 2022 là 8,301 triệu TEUs, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 2,652 triệu TEUs, tăng 2% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 2,895 triệu TEUs, tăng 6,8% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nội địa đạt 2,754 triệu TEUs, giảm 3% so với cùng kỳ 2021.

Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 04 tháng đầu năm 2022 tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021, đây là mức tăng trưởng thấp nhất so với vài năm gần đây mặc dù Việt Nam đã bước sang tình hình mới sau dịch Covid-19, đặc biệt hàng hóa nhập khẩu đã giảm 9% so với cùng kỳ. Hầu hết các khu vực cảng biển đều giảm trừ một số khu vực cảng biển như: Khu vực Quảng Ninh tăng 43,8% (từ 30,84 triệu tấn lên 44,36 triệu tấn), khu vực An Giang tăng 199,28%, Quảng Trị tăng 23,64%, khu vực Đồng Nai tăng 2%, khu vực Đồng Tháp tăng 6%, Thái Bình và Nghệ An tăng so với cùng kỳ. Khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua giảm

mạnh như: Khu vực Bình Thuận giảm 28% (từ 5,5 triệu tấn xuống 3,77 triệu tấn), khu vực Cần Thơ giảm 25% (từ 5,37 triệu tấn xuống còn 4 triệu tấn), Kiên Giang giảm 12% so với cùng kỳ. Ngoài ra ở khu vực cảng biển lớn như Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng đều ghi nhận mức giảm 0,5%-4% so với cùng kỳ, trong đó TP. Hồ Chí Minh đạt, Hải Phòng đạt 30,9 triệu tấn giảm 0,5%; TP. Hồ Chí Minh đạt 53,09 triệu tấn giảm 2,8%; Vũng Tàu đạt 36,46 triệu tấn giảm 4% so với cùng kỳ năm 2021.

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng trong 04 tháng đầu năm 2022 tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, khu vực có hàng container thông qua nhỏ tăng cao nhất là Quảng Ninh tăng 752,7%, An Giang tăng 103%, Thừa Thiên Huế tăng 29%; Khu vực có hàng container thông qua lớn như Vũng Tàu tăng 6%; Hải Phòng tăng 4,65% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, TP. Hồ Chí Minh lại có lượng container thông qua giảm 3,2%, Đà Nẵng giảm 6,06%; các khu vực khác như Thanh Hóa, Nghệ An ghi nhận mức giảm từ 27% đến 99% so với cùng kỳ năm 2021.

- Số lượng hành khách thông qua cảng biển 04 tháng đầu năm 2022 đạt 1,78 triệu lượt, có xu hướng tăng trở lại so với những tháng trước nhưng vẫn giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng).

2. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 05 tháng đầu năm 2022 là 304,217 triệu tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

- Hàng xuất khẩu ước đạt 78,213 triệu tấn tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 85,205 triệu tấn giảm 10% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa ước đạt 140,129 triệu tấn tăng 8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ ước đạt 670 nghìn tấn.

Trong đó, hàng container thông qua cảng biển trong 05 tháng năm 2022, ước đạt 10,480 triệu TEUs tăng 1% so với cùng kỳ.

- Hàng xuất khẩu ước đạt 3,348 triệu TEUs tăng 2% so với cùng kỳ.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 3,655 triệu TEUs tăng 6% so với cùng kỳ.
- Hàng nội địa ước đạt 3,477 triệu TEUs giảm 3% so với cùng kỳ.

II. Lượt tàu thông qua cảng biển (Chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

1. Lượt tàu biển thông qua 04 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

- Lượt tàu ngoại thông qua đạt 16,222 lượt, giảm 27% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lượt tàu nội thông qua đạt 18,081 lượt, giảm 15% so với cùng kỳ 2021.

Trong đó:

- +Tàu Xuất nhập cảnh đạt 2,587 lượt, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Tàu chạy tuyến nội địa đạt 15,494 lượt, giảm 19% so với cùng kỳ 2021.

2. Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa 04 tháng đầu năm 2022 cụ thể:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 108,5 nghìn lượt, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2021

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 13,9 lượt, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021.

3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng tàu biển và phương tiện thủy nội địa 04 tháng đầu năm 2022 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 166,22 triệu tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 74,75 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 23,3 triệu tấn, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2021.

III. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VMIC) quản lý trong 04 tháng đầu năm 2022 (Phụ lục II) cụ thể như sau:

Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do VMIC quản lý đạt 26,54 triệu tấn, giảm 5% với cùng kỳ năm 2021 (do không thống kê sản lượng của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh từ năm 2022), chiếm 11% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 7,53 triệu tấn chiếm 28% tổng khối lượng hàng hóa do VMIC quản lý, đứng thứ 2 là Cảng Sài Gòn đạt 2,73 triệu tấn, đứng thứ 3 là cảng bên Tiên Sa đạt 2,865 triệu tấn.

+ Khu vực cảng có khối lượng giảm mạnh nhất là Cảng Transvina giảm 59% và Vinalines Hậu Giang giảm 33% so với cùng kỳ.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Hồng Giang

PHỤ LỤC I

Biểu số 07-T

Ngày báo cáo: 15/5/2022

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam

Đơn vị nhân báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Tháng 5/2022

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	725,367	240,969	63,248	304,217	302,424	101%	42%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		61,951	16,262	78,213	77,155		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		67,489	17,716	85,205	94,781		
	Hàng nội địa	1000 tấn		110,993	29,136	140,129	129,611		
	Hàng quá cảnh bốc dỡ	1000 tấn		536	134	670	877		
	Chia ra								
<u>1</u>	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252,253</u>	<u>79,880</u>	<u>20,969</u>	<u>100,849</u>	<u>103,787</u>	<u>97%</u>	
		<u>1000 Teus</u>	<u>24,884</u>	<u>8,301</u>	<u>2,179</u>	<u>10,480</u>	<u>10,338</u>	<u>101%</u>	<u>42%</u>
	Xuất khẩu	1000 Tấn		27,496	7,218	34,714	32,561		
		1000 Teus		2,652	696	3,348	3,298		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		28,039	7,360	35,399	36,230		
		1000 Teus		2,895	760	3,655	3,441		
	Nội địa	1000 Tấn		24,345	6,391	30,736	34,996		
		1000 Teus		2,754	723	3,477	3,599		
<u>2</u>	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81,927</u>	<u>25,398</u>	<u>6,667</u>	<u>32,065</u>	<u>32,646</u>	<u>98%</u>	<u>39%</u>
	Xuất khẩu	1000 tấn		1,344	353	1,697	1,844		
	Nhập khẩu	1000 tấn		8,750	2,297	11,047	10,516		
	Nội địa	1000 tấn		15,304	4,017	19,321	20,286		
<u>3</u>	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391,187</u>	<u>135,155</u>	<u>35,478</u>	<u>170,633</u>	<u>165,114</u>	<u>103%</u>	<u>44%</u>

	Xuất khẩu	1000 tấn		33,111	8,692	41,803	42,750		
	Nhập khẩu	1000 tấn		30,700	8,059	38,759	48,035		
	Nội địa	1000 tấn		71,344	18,728	90,072	74,329		
<u>4</u>	<u>Hàng quá cảnh</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79,435</u>	<u>26,621</u>	<u>6,988</u>	<u>33,609</u>	<u>31,165</u>	108%	<u>42%</u>

Ghi chú: Hàng hóa thông qua cảng không bao gồm cả hàng hóa quá cảnh không được bốc dỡ tại cảng

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 4 NĂM 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7	
I. Sản lượng hàng hóa và số lượng tàu thuyền thông qua cảng								
1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượng tàu thuyền thông qua								
1.1.1. Tổng số lượt tàu biển		lượt	8,692	11,345	77%	34,303	40,683	84%
1.1.1.1. Tàu ngoại		lượt	4,037	5,491	74%	16,222	19,483	83%
1.1.1.2. Tàu nội		lượt	4,655	5,854	80%	18,081	21,200	85%
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	764	828	92%	2,587	2,162	120%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	3,891	5,026	77%	15,494	19,038	81%
1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng		tấn	63,813,763	63,898,044	100%	240,968,552	236,478,360	102%
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	15,953,865	16,734,797	95%	61,951,351	60,970,242	102%
	+ Nhập khẩu	tấn	18,103,770	20,129,133	90%	67,488,792	73,797,714	91%
	+ Nội địa	tấn	29,624,088	26,758,769	111%	110,992,752	100,995,714	110%

	+ Quá cảnh xếp dỡ	tấn	132,040	275,345	100%	535,657	714,690	75%
	+ container	tấn	21,893,337	2,174,154	1007%	79,880,082	81,961,426	97%
	+ container	teus	2,234,327	2,214,629	101%	8,301,042	8,141,606	102%
	+ Hàng lỏng	tấn	6,268,576	6,454,032	97%	25,397,961	25,439,369	100%
	+ Hàng kho	tấn	35,519,810	35,427,513	100%	135,154,852	128,362,828	105%
1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượng phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua								
1.2.1. Tổng số PTTND		Lượt	28,175	31,892	88%	108,497	113,593	96%
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB		Lượt	4,121	3,913	105%	13,906	12,776	109%
1.2.2. Tổng số tấn PTTND		tấn	19,294,363	19,488,995	99%	74,751,101	72,229,140	103%
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển		tấn	6,188,118	5,672,375	109%	23,312,059	18,842,836	124%
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển								
Tổng hàng hóa thông qua cảng		tấn	63,813,763	63,898,044	100%	240,968,552	236,478,360	102%
Trong đó	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	44,519,400	44,409,049	100%	166,217,451	164,249,220	101%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	19,294,363	19,488,995	99%	74,751,101	72,229,140	103%
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý								
Công ty TNHH container Quốc tế		Triệu	0.717	0.33	217%	0.995	1.36	73%

Cái Lân	tấn						
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)	Triệu tấn	1.943	2.116	92%	7.529	8.012	94%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)	Triệu tấn	0.015	0.025	60%	0.050	0.122	41%
Cảng Cửa Lò	Triệu tấn	0.45	0.41	110%	1.50	1.54	97%
Cảng Bến Thủy	Triệu tấn	0.03	0.06	50%	0.11	0.16	69%
Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0.737	0.787	94%	2.816	2.865	98%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0.186	0.079	235%	0.58	0.72	80%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	1	1.05	95%	3.73	4.12	91%
Cảng CMIT	Triệu tấn	0.75	0.67	112%	3.0	3.2	93%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0.47	0.66	71%	2.1	2.4	89%
Cảng SSIT	Triệu tấn	0.90	0.78	115%	3.4	2.5	137%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0.07	0.10	77%	0.3	0.4	80%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0.08	0.06	125%	0.3	0.2	130%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0.05	0.07	68%	0.2	0.3	67%
Cảng Năm Căn	Triệu tấn	0	0	100%	0.000	0.000	100%

III. Hàng hóa quá cảnh							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	7,465,234	6,614,713	113%	26,620,775	24,541,645	108%
IV. Hành khách	Lượt	570,895	616,084	93%	1,776,934	1,907,196	93%